

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 8 – HƯNG YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2025/DSST

Ngày: 25 - 7 - 2025

V/v “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - HƯNG YÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Quốc Khánh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Tống Xuân Tú.

2. Bà Phạm Thị Huệ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Mai - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 8 - Hưng Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 8 - Hưng Yên tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 8 - Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 48/2025/TLST-DS ngày 09 tháng 5 năm 2025 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2025/QĐXX-ST, ngày 08 tháng 7 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP A(A).

Địa chỉ: Số 89, phố Láng Hạ, phường Đồng Đa, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí Dũng - Chức danh: Chủ tịch HĐQT. (Vắng mặt)

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn Hồng Bắc - Chức danh: Trưởng phòng. Theo văn bản uỷ quyền số 10 ngày 12/02/2025 của ông Ngô Chí Dũng. (Vắng mặt)

Người được uỷ quyền lại: Ông Quách Đức Thành - Chức vụ: Trưởng bộ phận XLN. (Vắng mặt), ông Phạm Văn Kiều - Chức vụ: Chuyên viên XLN. Theo văn bản uỷ quyền số 3210.04 ngày 09/4/2025 của ông Nguyễn Hồng Bắc (Có mặt), ông Đào Mạnh Hùng - Chức vụ: Chuyên viên XLN. Theo văn bản uỷ quyền số 03/2025/UQ-KHCN ngày 01/5/2025 của ông Nguyễn Hồng Bắc. (Vắng mặt)

- Bị đơn: Anh Nguyễn Tuấn R, sinh năm 1984.

Nơi cư trú: Thôn Kênh, xã Ngự Thiên, tỉnh Hưng Yên. Trước đây là: Thôn Kênh, xã Tân Hòa, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 14 tháng 4 năm 2025, lời khai của người đại diện theo uỷ quyền lại của nguyên đơn là ông Phạm Văn Kiều trình bày:

Ngân hàng A và anh Nguyễn Tuấn R có ký kết với nhau các hợp đồng cụ thể như sau:

- Hợp đồng cho vay số LD2325601685 ngày 25/9/2023, số tiền vay 317.300.000 đồng, thời hạn vay 60 tháng, ngày giải ngân 25/9/2023, mục đích vay phục vụ nhu cầu đời sống và thanh toán chi phí bảo hiểm, lãi suất trong hạn tại thời điểm giải ngân là 27%/năm, sau 12 tháng kể từ ngày giải ngân khoản vay, mức lãi suất cho vay trong hạn được điều chỉnh là 31%/năm và sau đó được cố định trong suốt thời hạn cho vay còn lại. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Mức lãi suất này được áp dụng kể từ thời điểm khoản nợ gốc của bên vay bị chuyển quá hạn đến khi bên vay thanh toán hết nợ gốc quá hạn. Lãi suất chậm trả áp dụng đối với tiền lãi chậm trả bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chậm trả lãi nhưng tối đa không quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Mức lãi suất này được áp dụng kể từ thời điểm khoản tiền lãi của bên vay bị chuyển quá hạn đến khi bên vay thanh toán hết khoản tiền lãi quá hạn. Anh R đã trả được cho Ngân hàng A số tiền 25.954.316 đồng (trong đó nợ gốc là 0 đồng; nợ lãi là 25.954.316 đồng). Trong quá trình thực hiện hợp đồng anh R đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với Ngân hàng A nên toàn bộ khoản nợ trên bị chuyển sang nợ quá hạn với lãi suất quá hạn theo thỏa thuận như trong hợp đồng đã ký kết với Ngân hàng A kể từ ngày 04/02/2024. Tạm tính đến ngày 25/7/2025 anh R còn nợ Ngân hàng A số tiền là 570.535.108 đồng (trong đó: nợ gốc là 317.300.000 đồng; nợ lãi là 210.299.440 đồng; nợ lãi chậm trả là 42.935.668 đồng).

- Giấy đề nghị kèm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng điện tử số 266-P-6524012 ngày 10/01/2023 đến ngày 17/01/2023 thì thẻ được kích hoạt, hạn mức đề nghị 20.000.000 đồng, loại thẻ MC2 Credit Orange New, mục đích cấp tín dụng phục vụ nhu cầu đời sống, Lãi suất 3.99%/ tháng tương ứng 47,88%/năm theo quyết định lãi suất thẻ tín dụng của khối KHCN tại Ngân hàng A số 800/2022/QĐ-GĐK ngày 20 tháng 10 năm 2022. Thẻ cho vay hạn mức 20.000.000 đồng có nghĩa là khách hàng (anh R) được chi tiêu tối đa trong thẻ đến 20.000.000 đồng, từ thời điểm ngày 17/01/2023 đến ngày 04/02/2024 anh R đã chi tiêu trong thẻ hết tổng cộng số tiền gốc là 8.085.158 đồng, anh R đã thanh toán tổng số tiền 14.394.773 đồng (trong đó: nợ gốc là 8.085.158 đồng, nợ lãi là 6.309.615 đồng). Sau khi thanh toán tổng số tiền 14.394.773 đồng thì anh R đã thanh toán hết nợ gốc, nợ lãi của thẻ, dư nợ gốc bằng 0 đồng. Sau ngày 04/02/2024 anh R có tiếp tục chi tiêu tổng số tiền gốc là 16.662.957 đồng bằng hình thức quẹt thẻ, mua hàng, chuyển tiền và không thanh toán cho Ngân hàng nữa. Như vậy anh R đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng A và phải chịu mức lãi suất quá hạn theo thỏa thuận như trong văn kiện tín dụng đã ký với Ngân hàng A. Tạm tính đến ngày 25/7/2025 số tiền anh R còn nợ Ngân hàng là: 36.407.360 đồng (trong đó: nợ gốc là 16.662.957 đồng, nợ lãi là 18.984.553, phí duy trì thẻ: 759.850 đồng). Ngân hàng A tiếp tục tính lãi của thẻ tín dụng từ ngày 26/7/2025 đến khi anh Nguyễn Tuấn R trả hết nợ cho Ngân hàng A.

Ngân hàng A yêu cầu anh R phải thanh toán toàn bộ dư nợ gốc, lãi, lãi phạt tính đến ngày 25/7/2025 của hai hợp đồng số LD2325601685 ngày 25/9/2023 và hợp đồng số 266-P-6524012 ngày 10/01/2023 với tổng số tiền là: 606.942.468 đồng

(trong đó: nợ gốc là 333.962.957 đồng; nợ lãi là 229.283.993 đồng; nợ lãi chậm trả là 42.935.668 đồng, phí thẻ là: 759.850 đồng). Anh Nguyễn Tuấn R phải tiếp tục trả lãi phát sinh cho Ngân hàng A theo hợp đồng tín dụng trên kể từ ngày 26/7/2025 đến ngày anh Nguyễn Tuấn R thực tế thanh toán hết nợ tại Ngân hàng A.

Tại biên bản lấy lời khai, bị đơn anh Nguyễn Tuấn R trình bày: Anh và Ngân hàng A có ký hợp đồng tín dụng cụ thể: Hợp đồng tín dụng số 266-P-6524012, hạn mức vay 20.000.000 đồng, thời hạn vay 60 tháng, ngày giải ngân 17/01/2023, mục đích vay tiêu dùng và hợp đồng tín dụng số LD2325601685 ngày 25/9/2023, số tiền vay 317.300.000 đồng, thời hạn vay 60 tháng, ngày giải ngân 25/9/2023, mục đích vay tiêu dùng. Sau khi vay Ngân hàng thì hàng tháng anh đóng lãi đầy đủ theo quy định nhưng sau đó do anh làm ăn gặp khó khăn nên anh đã không đóng được lãi cho Ngân hàng theo quy định. Khoản tiền anh đóng cho Ngân hàng bao gồm cả gốc và lãi. Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu anh phải trả khoản tiền vay tính đến ngày 14/4/2025 với tổng số tiền là 470.690.817 đồng thì anh yêu cầu Ngân hàng tính lại cho anh vì trong thời gian anh nộp tiền thì anh đã nộp cả gốc và lãi theo đúng quy định. Anh không nhớ anh đã đóng được số tiền gốc và lãi là bao nhiêu cho Ngân hàng. Anh đề nghị Ngân hàng cung cấp số tiền anh đã đóng để anh biết và anh có phương án trả nợ và đề nghị Ngân hàng xem xét giảm một phần lãi thì anh mới có khả năng trả nợ. Anh xin vắng mặt tại các buổi làm việc và tại phiên tòa.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 8 - Hưng Yên phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của pháp luật và việc chấp hành pháp luật của đương sự: nguyên đơn, bị đơn tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử Căn cứ vào các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 116, Điều 117, Điều 118, Điều 463, Điều 464, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần A(A) đối với anh Nguyễn Tuấn R. Buộc anh Nguyễn Tuấn R phải trả cho Ngân hàng A số tiền nợ gốc là 333.962.957 đồng và tiền lãi theo đúng thỏa thuận trong hợp đồng số 266-P-6524012 ngày 10/01/2023 và hợp đồng số LD2325601685 ngày 25/9/2023. Anh Nguyễn Tuấn R phải tiếp tục trả lãi phát sinh cho Ngân hàng A theo hợp đồng tín dụng trên kể từ ngày 26/7/2025 đến ngày anh Nguyễn Tuấn R thực tế thanh toán hết nợ tại Ngân hàng A. Anh Nguyễn Tuấn R phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật. Trả lại Ngân hàng A số tiền 11.414.000 đồng tạm ứng án phí mà Ngân hàng A đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Ngân hàng A khởi kiện yêu cầu anh Nguyễn Tuấn R trả nợ tiền gốc và lãi theo hợp đồng cho vay đã ký kết, vì vậy cần xác định quan hệ tranh chấp là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"; bị

đơn anh Nguyễn Tuấn R có nơi cư trú tại thôn Kênh, xã Ngự Thiên, tỉnh Hưng Yên nên vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân Khu vực 8 - Hưng Yên theo quy định tại Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về tố tụng: Anh Nguyễn Tuấn R có đơn đề nghị giải quyết và xét xử vắng mặt nên căn cứ vào quy định tại Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về nội dung tranh chấp:

[3.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Ngày 10/01/2023 Ngân hàng A và anh Nguyễn Tuấn R có ký hợp đồng số 266-P-6524012 với nội dung Ngân hàng A cho anh R vay số tiền 20.000.000 đồng dưới hình thức phát hành thẻ tín dụng và ngày 25/9/2023 Ngân hàng A và anh Nguyễn Tuấn R có ký hợp đồng số LD2325601685 với nội dung Ngân hàng A cho anh R vay số tiền 317.300.000 đồng, thời hạn vay, mục đích vay, lãi suất cho vay trong hạn, lãi suất quá hạn, lãi chậm trả và quy định phương thức trả nợ như hợp đồng tín dụng đã ký. Anh Nguyễn Tuấn R xác định có ký các Hợp đồng tín dụng trên với Ngân hàng A. Hợp đồng tín dụng trên được lập thành văn bản, mục đích và nội dung các thỏa thuận hoàn toàn tự nguyện, bình đẳng, không bên nào bị lừa dối, ép buộc, tuân thủ theo quy định tại Điều 116, Điều 117 của Bộ luật dân sự năm 2015 nên là hợp đồng hợp pháp. Do đó làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên và các bên phải có trách nhiệm thực hiện các thỏa thuận đã cam kết khi ký hợp đồng.

[3.2] Sau khi Ngân hàng A ký hợp đồng số 266-P-6524012 và hợp đồng số LD2325601685 Ngân hàng đã giải ngân theo đúng quy định của Hợp đồng tín dụng, quá trình thực hiện hợp đồng tính đến ngày 25/7/2025, anh R đã trả cho Ngân hàng A theo hợp đồng số 266-P-6524012 số tiền là: 14.394.773 đồng, trong đó (nợ gốc là: 8.085.158 đồng, nợ lãi là: 6.309.615 đồng) và trả theo hợp đồng số LD2325601685 số tiền là 25.954.316 đồng, trong đó (nợ gốc 0 đồng, nợ lãi 25.954.316 đồng). Kể từ ngày 04/02/2024 anh R đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng A khởi kiện anh R phải trả nợ cho Ngân hàng A là có căn cứ chấp nhận. Do đó, để đảm bảo quyền lợi và thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo Điều 463 và Điều 466 của Bộ luật dân sự, cần xử buộc anh R phải có nghĩa vụ thanh toán trả cho Ngân hàng A số tiền nợ theo hợp đồng số 266-P-6524012 số tiền gốc là 16.662.957 đồng và theo hợp đồng số LD2325601685 số tiền gốc là 317.300.000 đồng. Tổng số tiền của hai hợp đồng là 333.962.957 đồng.

[3.3] Theo Hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng A và anh Nguyễn Tuấn R đã thỏa thuận về lãi suất. Đây là hợp đồng vay giữa tổ chức tín dụng với cá nhân nên lãi suất được áp dụng theo hợp đồng tín dụng giữa hai bên đã ký kết theo hướng dẫn tại các Điều 7, Điều 8 và Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng. Việc anh R không trả nợ theo đúng cam kết nên Ngân hàng A yêu cầu Tòa án buộc anh R phải thanh toán số tiền nợ lãi trong hạn, nợ lãi quá hạn, phí duy trì thẻ phải trả tính từ thời điểm Ngân hàng A chuyển sang nợ quá hạn theo mức lãi suất nợ quá hạn tạm tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm (ngày 25/7/2025) và buộc anh R phải tiếp tục trả lãi theo đúng thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng nêu trên cho đến ngày anh R thực tế thanh toán hết nợ tại Ngân hàng A là có căn cứ

chấp nhận.

[3.4] Như vậy tính đến ngày 25/7/2025, anh Nguyễn Tuấn R còn nợ Ngân hàng A số tiền theo hợp đồng số 266-P-6524012 ngày 10/01/2023 số tiền là 36.407.360 đồng trong đó (nợ gốc là: 16.662.957 đồng, nợ lãi là: 18.984.553, phí duy trì thẻ: 759.850 đồng) và theo hợp đồng số LD2325601685 ngày 25/9/2023 số tiền là 570.535.108 đồng (trong đó: nợ gốc là 317.300.000 đồng; nợ lãi là 210.299.440 đồng; nợ lãi chậm trả là 42.935.668 đồng). Tổng số tiền anh Nguyễn Tuấn R phải trả là 606.942.468 đồng (làm tròn là 606.942.000 đồng).

[4] Anh Nguyễn Tuấn R trong biên bản lấy lời khai anh có trình bày anh không nhớ anh đã đóng được số tiền gốc và lãi là bao nhiêu cho Ngân hàng, anh đề nghị Ngân hàng cung cấp số tiền anh đã đóng để anh biết và anh có phương án trả nợ nhưng anh có đơn đề nghị giải quyết và xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật là có căn cứ.

[5] Về án phí: Anh Nguyễn Tuấn R là bên vi phạm các hợp đồng tín dụng nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật với tổng số tiền của hợp đồng cho vay là 606.942.468 đồng = (20.000.000 đồng + ((4% x (606.942.468 - 400.000.000 đồng)) = 8.277.698 đồng) = 28.277.698 đồng (làm tròn là 28.277.000 đồng). Do yêu cầu của Ngân hàng A được chấp nhận nên trả cho Ngân hàng A số tiền tạm ứng án phí là 11.141.000 đồng.

[6] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp nên cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 116, Điều 117, Điều 118, Điều 463, Điều 464, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần A(A) đối với anh Nguyễn Tuấn R về tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

2. Buộc anh Nguyễn Tuấn R phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần A số tiền còn nợ theo Hợp đồng tín dụng số 266-P-6524012 ngày 10/01/2023 số tiền là 36.407.360 đồng trong đó (nợ gốc là: 16.662.957 đồng, nợ lãi là: 18.984.553, phí duy trì thẻ: 759.850 đồng) và theo hợp đồng số LD2325601685 ngày 25/9/2023 số tiền là 570.535.108 đồng (trong đó: nợ gốc là 317.300.000 đồng; nợ lãi là 210.299.440 đồng; nợ lãi chậm trả là 42.935.668 đồng). Tổng số tiền anh Nguyễn Tuấn R phải trả là 606.942.468 đồng. (Làm tròn số thành 606.942.000 đồng (Sáu trăm linh sáu triệu chín trăm bốn mươi hai nghìn đồng)). Anh Nguyễn Tuấn R phải tiếp tục trả lãi theo đúng thỏa thuận trong hợp đồng 266-P-6524012 ngày 10/01/2023 và theo hợp đồng số LD2325601685 ngày 25/9/2023 kể từ ngày 26/7/2025 cho đến ngày anh Nguyễn Tuấn R thực tế thanh toán hết nợ tại Ngân hàng A.

3. Về án phí: Anh Nguyễn Tuấn R phải chịu 28.277.698 đồng (làm tròn là 28.277.000 đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Trả lại Ngân hàng thương mại cổ phần A(A) số tiền 11.141.000 đồng tạm ứng án phí Ngân hàng A đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000731 ngày 09/5/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình (Nay là Phòng THADS Khu vực 8 THADS tỉnh Hưng Yên).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Hưng Yên;
- VKSND tỉnh Hưng Yên;
- VKSND Khu vực 8 - Hưng Yên;
- THADS tỉnh Hưng Yên;
- Lưu: HS-HCTP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Vũ Quốc Khánh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Quốc Khánh

Đã sửa in

